

**Công ty Cổ phần Quản lý
quỹ VinaCapital**

**VinaCapital Fund
Management JSC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

BC2826 VCFM

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH**

ĐẾN

Số: 64746

Ngày: 21/8/2026

Chuyển: NUY GS.u

Số và ký hiệu HS: Về ngày không còn là cổ đông lớn của nhóm nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2026

HCMC, August 21, 2026

BÁO CÁO

**REPORT ON THE DAY OF CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDER BY GROUP OF DOMESTIC
AND FOREIGN INVESTORS**

Kính gửi/To:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities
Commission;

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/
Hochiminh Stock Exchange;

- Công ty Cổ phần GEMADEPT/GEMADEPT Group Corporation.

1. Thông tin về tổ chức đầu tư/Information on investor

1.1 Tên tổ chức đầu tư/Name of organisation: VOF Investment Limited

- Quốc tịch/Nationality: British Virgin Islands

- Số GPĐKKD/ number of Business Registration Certificate: 565720 do (place of issue)

Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 28/10/2003

- Địa chỉ liên hệ/Contact address: Phòng 1703, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, phường
Sài Gòn, TP. HCM/ Floor 17, Sunwah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, HCMC

- Điện thoại/Telephone: 028 – 3821 9930

Fax: 028 – 3821 9931

1.2 Tên tổ chức đầu tư/*Name of organisation*: CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital/ *VinaCapital Fund Management JSC*

- Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam

- Số GPĐKKD/ *number of Business Registration Certificate*: 31/GCN-UBCK do (place of issue) UBCKNN/ *SSC cấp ngày (date of issue)* 14/04/2008

- Địa chỉ liên hệ/*Contact address*: Phòng 1703, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. HCM/ *Floor 17, Sunwah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, HCMC*

- Điện thoại/*Telephone*: 028 – 3821 9930 Fax: 028 – 3821 9931

1.3 Tên tổ chức đầu tư/*Name of organisation*: Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng chiến lược VinaCapital/*VinaCapital Strategic Growth Equity Fund*

- Quốc tịch/*Nationality*: Việt Nam

- Số GPĐKKD/ *number of Business Registration Certificate*: 25/GCN-UBCK do (place of issue) UBCKNN/ *SSC cấp ngày (date of issue)* 18/04/2017

- Địa chỉ liên hệ/*Contact address*: Phòng 1703, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. HCM/ *Floor 17, Sunwah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, HCMC*

- Điện thoại/*Telephone*: 028 – 3821 9930 Fax: 028 – 3821 9931

1.4 Tên tổ chức đầu tư/*Name of organisation*: Forum One - VinaCapital Vietnam Fund

- Quốc tịch/*Nationality*: Luxembourg

- Số GPĐKKD/ *number of Business Registration Certificate*: N/A

- Địa chỉ liên hệ/*Contact address*: Phòng 1703, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. HCM/ *Floor 17, Sunwah Tower, 115 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, HCMC*

- Điện thoại/*Telephone*: 028 – 3821 9930 Fax: 028 – 3821 9931

2. Người có liên quan của tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu)/*Name of affiliated investor (currently holding the same types of shares)*:

Tên tổ chức đầu tư có liên quan/ <i>Name of affiliated investor</i>	Số GPĐKKD/ <i>number of Business Registration Certificate</i>	Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/ <i>Current</i>	Mối quan hệ với tổ chức đầu tư/ <i>Relationship with the organization</i>

			<i>position in the public company</i>	
1. Asia Value Investment Limited	565916 do (place of issue) Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 29/10/2003	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
2. Windstar Resources Limited	1633225 do (place of issue) Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 22/02/2011	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
3. Vietnam Investment Property Holdings Limited	552557 do (place of issue) Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 15/07/2003	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
4. Preston Pacific Limited	1454644 do (place of issue) Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 02/01/2008	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
5. Vietnam Investment Limited	566392 do (place of issue) Registrar of Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 04/11/2003	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
6. VOF PE Holding 5 Limited	1443872 do (place of issue) Registrar of	British Virgin Islands	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong

	Companies of BVI cấp ngày (date of issue) 13/11/2007			nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
7. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	33GP/KDBH do (place of issue) Bộ Tài Chính/MOF cấp ngày (date of issue) 04/05/2005	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
8. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam	61GP/KDBH do (place of issue) Bộ Tài Chính/MOF cấp ngày (date of issue) 20/04/2011	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
9. Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam	51GP/KDBH do (place of issue) Bộ Tài Chính/MOF cấp ngày (date of issue) 12/06/2008	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
10. Lindisfarne One Ltd	204774B do (place of issue) Bahamas cấp ngày (date of issue) 31/01/2020	Bahamas	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>
11. Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cơ hội tiên phong VinaCapital/ VinaCapital Discovery Equity Fund	107/GCN-UBCK do (place of issue) UBCKNN/ SSC cấp ngày (date of issue) 26/04/2024	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ <i>Funds managed by the same domestic fund management company.</i>

12. Quỹ đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp hàng đầu VinaCapital/ VinaCapital Leading Enterprise Equity Fund	12/GCN-UBCK do (place of issue) UBCKNN/ SSC cấp ngày (date of issue) 01/07/2014	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ Funds managed by the same domestic fund management company.
13. Quỹ đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital / VinaCapital Modern Economy Equity Fund	50/GCN-UBCK do (place of issue) UBCKNN/ SSC cấp ngày (date of issue) 04/05/2023	Việt Nam	không có/ None	các quỹ thuộc cùng một công ty quản lý quỹ trong nước/ Funds managed by the same domestic fund management company.

3. Tên cổ phiếu /mã chứng khoán sở hữu/Name of shares/code of securities owned: **GMD**

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/At the securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares owned before the transaction: 11.295.200 cổ phiếu/shares (2,6092%)

- VOF Investment Limited: 7.547.400 (1,7435%)
- CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital: 579.700 (0,1339%)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng chiến lược VinaCapital: 1.183.200 (0,2733%)
- Forum One - VinaCapital Vietnam Fund: 1.984.900 (0,4585%)

6. Số lượng cổ phiếu đã bán ròng tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn/Number of shares net sold at the date that changed the ownership percentage and ceased to be major shareholders: 905.800 cổ phiếu/shares

- VOF Investment Limited: bán/sold 900.000
- CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital: mua/purchased: 5.000
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng chiến lược VinaCapital: bán/sold 9.200
- Forum One - VinaCapital Vietnam Fund: bán/sold 1.600

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch /*Number, ownership percentage of shares owned after the transaction*: 10.389.400 cổ phiếu/shares (2,4001%)

- VOF Investment Limited: 6.647.400 (1,5356%)
- CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital: 584.700 (0,1351%)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng chiến lược VinaCapital: 1.174.000 (0,2712%)
- Forum One - VinaCapital Vietnam Fund: 1.983.300 (0,4582%)

8. Ngày thực hiện giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn/*The trading date that changed the ownership percentage and ceased to be major shareholder*: **19/08/2026**

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ/*Number, onwership percentage of shares currently owned by the affiliated persons*: 11.047.536 cổ phiếu/shares (2,5519%)

- Asia Value Investment Limited: 1.910.000 (0,4412%)
- Windstar Resources Limited: 157.200 (0,0363%)
- Vietnam Investment Property Holdings Limited: 1.713.600 (0,3958%)
- Preston Pacific Limited: 2.237.100 (0,5168%)
- Vietnam Investment Limited: 2.830.000 (0,6537%)
- VOF PE Holding 5 Limited: 654.700 (0,1512%)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam: 29.800 (0,0069%)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam: 170.766 (0,0394)
- Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam: 37.500 (0,0087%)
- Lindisfarne One Ltd: 184.100 (0,0425%)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Cơ hội tiên phong VinaCapital: 100.700 (0,0233%)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp hàng đầu VinaCapital: 465.900 (0,1076%)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Kinh Tế Hiện Đại VinaCapital: 556.170 (0,1285%)

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares owned by organizations together with affiliated persons after the transaction*: **21.436.936 cổ phiếu/shares (4,952%)**

TỔ CHỨC BÁO CÁO ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ORGANIZATION

AUTHORIZED TO REPORT AND DISCLOSE INFORMATION

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

VinaCapital Fund Management JSC



Brook Colin Taylor

Tổng Giám Đốc/CEO

